SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/KXQ (01; 02; 03)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám Địa chỉ: Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	- KXQ_{01}: Lấy tại khu vực phía Đông khu công nghiệp Đình Trám. Tọa độ (21°15'18,35"N; 106°07'39,58"E) - KXQ_{02}: Lấy tại khu vực phía Tây khu công nghiệp Đình Trám. Tọa độ (21°15'13,45"N; 106°07'29,45"E) - KXQ_{03}: Lấy tại khu vực phía Nam khu công nghiệp Đình Trám. Tọa độ (21°14'56,52"N; 106°07'38,42"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi TSP: TCVN 5067: 1995; SO_2: TCVN 5971: 1995; NO_2: TCVN 6137: 2009; CO: BG-HDQT; Hơi axit (H_2SO_4): NIOSH METHOD 7908; C_xH_Y: NIOSH METHOD 1500
Ngày lấy mẫu: 21/3/2024	Ngày phân tích: 21/3 – 04/4/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả			Phương pháp thử
					KXQ_{01}	KXQ_{02}	KXQ_{03}	
1	Nhiệt độ	^0C	-		27,8	28,1	27,5	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%	-		61,1	60,5	60,6	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s	-		0,7	0,6	0,9	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	**QCVN 26: 2010/BTNMT**	70	64,1	67,3	61,3	TCVN 7878-2: 2018
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 1 (Trung bình 1 giờ)**	300	74,71	78,94	70,49	TCVN 5067: 1995
6	SO_2	$\mu g/Nm^3$		350	48,39	51,12	49,50	TCVN 5971: 1995
7	NO_2	$\mu g/Nm^3$		200	31,59	30,27	22,74	TCVN 6137: 2009
8	CO	$\mu g/Nm^3$		30.000	2.555	3.400	4.442	BG-HDPT
9	Tổng Hydrocarbon C_xH_y (b)	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 2 (Thời gian trung bình 1 giờ)**	5.000	<7	<7	<7	NIOSH METHOD 1500
10	Axit Sulfuric (H_2SO_4) (a)	$\mu g/Nm^3$		300	KPH	KPH	KPH	NIOSH METHOD 7908

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/KXQ (01; 02; 03)

Ghi chú: (-): Không quy định.

KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

Thông số có ký hiệu (*) là thông số được thực hiện bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

Thông số có ký hiệu (*) là thông số được thực hiện bởi Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường thuộc Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Vimcerts 079.

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 05: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh.

Bảng 2: Giá trị giới hạn tối đa của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

P. PHÂN TÍCH HÓA NGHIỆM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM VIÊN TN&MT BẮC GIANG

Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/KXQ (04; 05; 06)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám Địa chỉ: Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	- KXQ_{04}: Lấy tại khu vực phía Bắc khu công nghiệp Đình Trám. Tọa độ (21°15'43,96"N; 106°07'13,26"E) - KXQ_{05}: Lấy tại khu vực cạnh trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Tọa độ (21°15'45,75"N; 106°07'26,57"E) - KXQ_{06}: Lấy tại khu vực cạnh lô A2. Tọa độ (21°15'04,52"N; 106°07'44,16"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi TSP: TCVN 5067: 1995; SO_2: TCVN 5971: 1995; NO_2: TCVN 6137: 2009; CO: BG-HDQT; Hơi axit (H_2SO_4): NIOSH METHOD 7908; C_xH_Y: NIOSH METHOD 1500
Ngày lấy mẫu: 21/3/2024	Ngày phân tích: 21/3 – 04/4/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả			Phương pháp thử
					KXQ_{04}	KXQ_{05}	KXQ_{06}	
1	Nhiệt độ	^0C	-		26,1	24,8	27,8	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%	-		64,6	63,5	60,5	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s	-		0,5	0,6	0,9	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	**QCVN 26: 2010/BTNMT**	70	55,2	53,2	67,7	TCVN 7878-2: 2018
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 1 (Trung bình 1 giờ)**	300	78,41	73,96	78,86	TCVN 5067: 1995
6	SO_2	$\mu g/Nm^3$		350	53,22	46,32	47,68	TCVN 5971: 1995
7	NO_2	$\mu g/Nm^3$		200	26,61	24,48	28,88	TCVN 6137: 2009
8	CO	$\mu g/Nm^3$		30.000	3.267	4.319	3.066	BG-HDPT
9	Tổng Hydrocarbon C_xH_y[(b)]	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 2 (Thời gian trung bình 1 giờ)**	5.000	<7	<7	<7	NIOSH METHOD 1500
10	Axit Sulfuric (H_2SO_4)[(a)]	$\mu g/Nm^3$		300	KPH	KPH	KPH	NIOSH METHOD 7908

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Ghi chú: (-): Không quy định.

KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

Thông số có ký hiệu (a) là thông số được thực hiện bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

Thông số có ký hiệu (b) là thông số được thực hiện bởi Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường thuộc Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Vimcerts 079.

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 05: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh.

Bảng 2: Giá trị giới hạn tối đa của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

P. PHÂN TÍCH HÓA NGHIỆM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM VIÊN TN&MT BẮC GIANG

Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/KXQ (07; 08; 09)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám Địa chỉ: Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	- KXQ_{07}: Lấy tại khu vực cạnh lô B8. Tọa độ (21°15'06,69"N; 106°07'32,66"E) - KXQ_{08}: Lấy tại khu vực cạnh lô C12. Tọa độ (21°15'22,07"N; 106°07'23,67"E) - KXQ_{09}: Lấy tại khu vực cạnh lô D11. Tọa độ (21°15'31,20"N; 106°07'29,85"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi TSP: TCVN 5067: 1995; SO_2: TCVN 5971: 1995; NO_2: TCVN 6137: 2009; CO: BG-HDQT; Hơi axit (H_2SO_4): NIOSH METHOD 7908; C_xH_Y: NIOSH METHOD 1500
Ngày lấy mẫu: 21/3/2024	Ngày phân tích: 21/3 – 044/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả			Phương pháp thử
					KXQ_{07}	KXQ_{08}	KXQ_{09}	
1	Nhiệt độ	^0C	-		27,9	27,1	26,3	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%	-		59,6	61,8	60,7	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s	-		0,8	0,6	0,8	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	**QCVN 26: 2010/BTNMT**	70	65,8	60,8	57,5	TCVN 7878-2: 2018
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 1 (Trung bình 1 giờ)**	300	74,73	78,86	82,6	TCVN 5067: 1995
6	SO_2	$\mu g/Nm^3$		350	45,04	50,76	44,64	TCVN 5971: 1995
7	NO_2	$\mu g/Nm^3$		200	30,25	32,72	22,65	TCVN 6137: 2009
8	CO	$\mu g/Nm^3$		30.000	2.894	3.595	4.974	BG-HDPT
9	Tổng Hydrocarbon C_xH_y[(b)]	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 2 (Thời gian trung bình 1 giờ)**	5.000	<7	<7	<7	NIOSH METHOD 1500
10	Axit Sulfuric (H_2SO_4)[(a)]	$\mu g/Nm^3$		300	KPH	KPH	KPH	NIOSH METHOD 7908

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Ghi chú: (-): Không quy định.

KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

Thông số có ký hiệu (a) là thông số được thực hiện bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

Thông số có ký hiệu (b) là thông số được thực hiện bởi Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường thuộc Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Vimcerts 079.

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 05: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh.

Bảng 2: Giá trị giới hạn tối đa của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

P. PHÂN TÍCH HÓA NGHIỆM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM VIÊN TN&MT BẮC GIANG

Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/KXQ (10; 11)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám Địa chỉ: Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	- KXQ_{10}: Lấy tại khu vực cạnh lô E3. Tọa độ (21°15'35,49"N; 106°07'17,06"E) - KXQ_{11}: Lấy tại khu vực phía Tây khu Đồng Vàng. Tọa độ (21°14'57,94"N; 106°07'10,66"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi TSP: TCVN 5067: 1995; SO_2: TCVN 5971: 1995; NO_2: TCVN 6137: 2009; CO: BG-HDQT; Hơi axit (H_2SO_4): NIOSH METHOD 7908; C_xH_Y: NIOSH METHOD 1500
Ngày lấy mẫu: 21/3/2024	Ngày phân tích: 21/3 – 04/4/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả		Phương pháp thử
					KXQ_{10}	KXQ_{11}	
1	Nhiệt độ	^0C	-		25,7	27,4	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%	-		66,4	61,6	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s	-		1,1	0,8	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	**QCVN 26: 2010/BTNMT**	70	59,0	62,1	TCVN 7878-2: 2018
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 1 (Trung bình 1 giờ)**	300	70,07	74,61	TCVN 5067: 1995
6	SO_2	$\mu g/Nm^3$		350	46,48	42,37	TCVN 5971: 1995
7	NO_2	$\mu g/Nm^3$		200	23,9	26,9	TCVN 6137: 2009
8	CO	$\mu g/Nm^3$		30.000	4.304	2.384	BG-HDPT
9	Tổng Hydrocarbon C_xH_y[(b)]	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 2 (Thời gian trung bình 1 giờ)**	5.000	<7	<7	NIOSH METHOD 1500
10	Axit Sulfuric (H_2SO_4)[(a)]	$\mu g/Nm^3$		300	KPH	KPH	NIOSH METHOD 7908

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Ghi chú: (-): Không quy định.

KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

Thông số có ký hiệu ([a]) là thông số được thực hiện bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

Thông số có ký hiệu ([b]) là thông số được thực hiện bởi Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường thuộc Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Vimcerts 079.

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 05: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh.

Bảng 2: Giá trị giới hạn tối đa của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

P. PHÂN TÍCH HÓA NGHIỆM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM VIÊN TN&MT BẮC GIANG

Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/KXQ (12; 13)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh (KXQ)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám Địa chỉ: Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	- KXQ_{12}: Lấy tại khu vực phía Nam khu Đồng Vàng. Tọa độ (21°14'44,97"N; 106°07'17,48"E) - KXQ_{13}: Lấy tại khu vực giữa khu Đồng Vàng. Tọa độ (21°14'53,20"N; 106°07'19,26"E)
Phương pháp lấy mẫu	Bụi TSP: TCVN 5067: 1995; SO_2: TCVN 5971: 1995; NO_2: TCVN 6137: 2009; CO: BG-HDQT; Hơi axit (H_2SO_4): NIOSH METHOD 7908; C_xH_Y: NIOSH METHOD 1500
Ngày lấy mẫu: 21/3/2024	Ngày phân tích: 21/3 – 04/4/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh		Kết quả		Phương pháp thử
					KXQ_{12}	KXQ_{13}	
1	Nhiệt độ	^0C	-		27,7	27,5	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%	-		61,8	62,7	QCVN 46: 2012/BTNMT
3	Vận tốc gió	m/s	-		1,0	0,9	QCVN 46: 2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	**QCVN 26: 2010/BTNMT**	70	61,6	59,2	TCVN 7878-2: 2018
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 1 (Trung bình 1 giờ)**	300	82,98	78,78	TCVN 5067: 1995
6	SO_2	$\mu g/Nm^3$		350	43,08	49,78	TCVN 5971: 1995
7	NO_2	$\mu g/Nm^3$		200	35,00	35,66	TCVN 6137: 2009
8	CO	$\mu g/Nm^3$		30.000	2.212	3.908	BG-HDPT
9	Tổng Hydrocarbon C_xH_y[(b)]	$\mu g/Nm^3$	**QCVN 05: 2023/BTNMT, Bảng 2 (Thời gian trung bình 1 giờ)**	5.000	<7	<7	NIOSH METHOD 1500
10	Axit Sulfuric (H_2SO_4)[(a)]	$\mu g/Nm^3$		300	KPH	KPH	NIOSH METHOD 7908

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Ghi chú: (-): Không quy định.

KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

Thông số có ký hiệu ([a]) là thông số được thực hiện bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

Thông số có ký hiệu ([b]) là thông số được thực hiện bởi Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường thuộc Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Vimcerts 079.

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 05: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số cơ bản trong không khí xung quanh.

Bảng 2: Giá trị giới hạn tối đa của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

P. PHÂN TÍCH HÓA NGHIỆM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM VIÊN TN&MT BẮC GIANG

Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/NT01

VILAS 395

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Nước thải (NT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám Địa chỉ: Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	NT_{01}: Lấy tại hố gom nước thải trước xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ (21°15'43,60"N; 106°07'25,42"E)
Phương pháp lấy mẫu	TCVN 5999: 1995; TCVN 6663-1: 2011; TCVN 6663-3: 2016; TCVN 8880: 2011
Ngày lấy mẫu: 21/3/2024	Ngày phân tích: 21/3 – 01/4/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40: 2011 BTNMT, cột A, C_{max}	Kết quả (NT_{01})	Phương pháp thử
1	Nhiệt độ	^0C	40	22,4	SMEWW 2550B: 2017
2	Màu	Pt/Co	50	49,14	SMEWW 2120B: 2017
3	pH	-	6 đến 9	6,5	TCVN 6492: 2011
4	BOD_5(20°C)	mg/l	27	24,46	TCVN 6001-1: 2021
5	COD	mg/l	67,5	39,2	SMEWW 5220C: 2017
6	Chất rắn lơ lửng*	mg/l	45	**48**	TCVN 6625: 2000
7	Asen	mg/l	0,045	KPH	SMEWW 3114B: 2023
8	Chì	mg/l	0,09	0,004	SMEWW 3113B: 2023
9	Thủy ngân	mg/l	0,0045	KPH	SMEWW 3112B: 2023
10	Cadimi	mg/l	0,045	KPH	SMEWW 3113B: 2023
11	Đồng	mg/l	1,8	0,036 LOQ=0,06	SMEWW 3111B: 2023
12	Kẽm	mg/l	2,7	0,406	SMEWW 3111B: 2023
13	Niken	mg/l	0,18	KPH	SMEWW 3111B: 2023
14	Mangan	mg/l	0,45	0,121	SMEWW 3111B: 2023
15	Sắt*	mg/l	0,9	**1,23**	TCVN 6177: 1996
16	Crom (VI)	mg/l	0,045	KPH	SMEWW 3500.Cr.B: 2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.
3. Các thông số có dấu "" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/NT01

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40: 2011 BTNMT, cột A, C_{max}	Kết quả (NT_{01})	Phương pháp thử
17	Tổng xyanua	mg/l	0,063	KPH	SMEWW4500-CN-C&E: 2017
18	Crom (III)	mg/l	0,18	KPH	SMEWW 3030: 2017+ SMEWW 3500.Cr.B: 2017
19	Tổng phenol	mg/l	0,09	KPH	TCVN 6216B: 1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5	0,84 LOQ=1,1	SMEWW 5520B&F: 2017
21	Sunfua*	mg/l	0,18	0,019 LOQ=0,03	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D: 2017
22	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5	**6,34**	TCVN 6179-1: 1996
23	Tổng nitơ	mg/l	18	**21,6**	TCVN 6638: 2000
24	Tổng photpho (tính theo P)*	mg/l	3,6	1,65	TCVN 6202: 2008
25	Clorua*	mg/l	450	152,9	TCVN 6194: 1996
26	Florua	mg/l	4,5	1,54	SMEWW 4500-F^-.B&D: 2023
27	Clo dư	mg/l	0,9	KPH	TCVN 6225-3: 2011
28	Coliform	MPN/ 100ml	3.000	**54.000**	SMEWW 9221B: 2017
29	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{(a)}$	Bq/l	0,1	KPH	TCVN 6053: 1995
30	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(a)}$	Bq/l	1,0	KPH	TCVN 6219: 2011
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ$^{(a)}$	mg/l	0,045	KPH	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ$^{(a)}$	mg/l	0,27	KPH	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
33	Tổng PCB$^{(a)}$	mg/l	0,0027	KPH	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D

Ghi chú: (-): Không quy định; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

Thông số có ký hiệu $^{(a)}$ là thông số được thực hiện bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.
3. Các thông số có dấu "" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

QCVN 40: 2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột A Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

$C_{max} = C \times K_q \times K_f$; Trong đó:

C: Là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm quy định tại bảng 1 của QCVN 40: 2011/BTNMT.

K_q: Là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 40: 2011/BTNMT, (áp dụng hệ số $K_q = 0,9$).

K_f: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 của QCVN 40: 2011/BTNMT.

(F là lưu lượng nguồn thải, áp dụng hệ số $K_f = 1,0$ tương ứng với lưu lượng nước thải $F < 2.000$ m^3/ngày đêm < 5.000 m^3/ngày đêm).

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

P. PHÂN TÍCH HÓA NGHIỆM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM VIÊN TN&MT BẮC GIANG

Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.
3. Các thông số có dấu "" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

VILAS 395

Số: 21/3/24/303/NT02

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Nước thải (NT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám Địa chỉ: Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	NT_{02}: Lấy tại điểm xả nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ (21°15'44,27"N; 106°07'29,09"E)
Phương pháp lấy mẫu	TCVN 5999: 1995; TCVN 6663-1: 2011; TCVN 6663-3: 2016; TCVN 8880: 2011
Ngày lấy mẫu: 21/3/2024	Ngày phân tích: 21/3 – 01/4/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40: 2011 BTNMT, cột A, C_{max}	Kết quả (NT_{02})	Phương pháp thử
1	Nhiệt độ	^0C	40	22,5	SMEWW 2550B: 2017
2	Màu	Pt/Co	50	27,02	SMEWW 2120B: 2017
3	pH	-	6 đến 9	7,0	TCVN 6492: 2011
4	BOD_5(20°C)	mg/l	27	6,86	TCVN 6001-1: 2021
5	COD	mg/l	67,5	11,8 LOQ=15,3	SMEWW 5220C: 2017
6	Chất rắn lơ lửng*	mg/l	45	25	TCVN 6625: 2000
7	Asen	mg/l	0,045	KPH	SMEWW 3114B: 2023
8	Chì	mg/l	0,09	0,004	SMEWW 3113B: 2023
9	Thủy ngân	mg/l	0,0045	KPH	SMEWW 3112B: 2023
10	Cadimi	mg/l	0,045	KPH	SMEWW 3113B: 2023
11	Đồng	mg/l	1,8	0,055 LOQ=0,06	SMEWW 3111B: 2023
12	Kẽm	mg/l	2,7	0,223	SMEWW 3111B: 2023
13	Niken	mg/l	0,18	0,02 LOQ=0,089	SMEWW 3111B: 2023
14	Mangan	mg/l	0,45	0,035 LOQ=0,06	SMEWW 3111B: 2023
15	Sắt*	mg/l	0,9	0,15	TCVN 6177: 1996
16	Crom (VI)	mg/l	0,045	KPH	SMEWW 3500.Cr.B: 2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.
3. Các thông số có dấu "" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40: 2011 BTNMT, cột A, C_{max}	Kết quả (NT_{02})	Phương pháp thử
17	Tổng xyanua	mg/l	0,063	KPH	SMEWW4500-CN-.C&E: 2017
18	Crom (III)	mg/l	0,18	KPH	SMEWW 3030: 2017+ SMEWW 3500.Cr.B: 2017
19	Tổng phenol	mg/l	0,09	KPH	TCVN 6216B: 1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5	0,55 LOQ=1,1	SMEWW5520B&F: 2017
21	Sunfua*	mg/l	0,18	KPH	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D: 2017
22	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5	0,202	TCVN 6179-1: 1996
23	Tổng nitơ	mg/l	18	3,1	TCVN 6638: 2000
24	Tổng photpho (tính theo P)*	mg/l	3,6	0,25	TCVN 6202: 2008
25	Clorua*	mg/l	450	215,6	TCVN 6194: 1996
26	Florua	mg/l	4,5	0,64	SMEWW 4500-F^-.B&D: 2023
27	Clo dư	mg/l	0,9	KPH	TCVN 6225-3: 2011
28	Coliform	MPN/ 100ml	3.000	2.400	SMEWW 9221B: 2017
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α[(a)]	Bq/l	0,1	KPH	TCVN 6053: 1995
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β[(a)]	Bq/l	1,0	KPH	TCVN 6219: 2011
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ[(a)]	mg/l	0,045	KPH	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ[(a)]	mg/l	0,27	KPH	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D
33	Tổng PCB[(a)]	mg/l	0,0027	KPH	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D

Ghi chú: (-): Không quy định; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;

Thông số có ký hiệu [(a)] là thông số được thực hiện bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.
3. Các thông số có dấu "" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/NT02

QCVN 40: 2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột A Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

$C_{max} = C \times K_q \times K_f$; *Trong đó:*

C: Là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm quy định tại bảng 1 của QCVN 40: 2011/BTNMT.

K_q*: Là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 của QCVN 40: 2011/BTNMT, (áp dụng hệ số* $K_q = 0,9$*).*

K_f*: Là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 của QCVN 40: 2011/BTNMT.*

(F là lưu lượng nguồn thải, áp dụng hệ số $K_f = 1,0$ *tương ứng với lưu lượng nước thải* $F = 2.000$ m^3*/ngày đêm* < 5.000 m^3*/ngày đêm).*

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

P. PHÂN TÍCH HÓA NGHIỆM

TRUNG TÂM QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM VIÊN TN&MT BẮC GIANG

Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.
3. Các thông số có dấu "" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Số: 21/3/24/303/BT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Bùn thải (BT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu	Khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang Địa chỉ: Thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Vị trí lấy mẫu	Lấy tại điểm thu gom bùn dư của trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ (21°15'42,34"N; 106°07'27,09"E)
Phương pháp lấy mẫu	TCVN 6663-15: 2004
Ngày lấy mẫu: 21/3/2024	Ngày phân tích: 23 – 01/4/2024

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 50: 2013/BTNMT		Kết quả	Phương pháp thử
			Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)		
1	pH[a]	-	2,0 ÷ 12,5		6,98	US EPA 9040C + US EPA 9040D
2	Crom(Cr) [a]	ppm	-	-	2.084,2	US EPA METHOD 3051A+ US EPA METHOD 7000B
3	Thủy ngân (Hg) [a]	ppm	4	3,544	1,88	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7471B
4	Đồng (Cu) [a]	ppm	-	-	969,8	US EPA METHOD 3051A + SMEWW 3111B: 2017
5	Kẽm (Zn) [a]	ppm	5.000	4.430	6.444	US EPA METHOD 3051A+ US EPA METHOD 7000B
6	Niken (Ni) [a]	ppm	1.400	1240.4	333,5	US EPA METHOD 3051A+ US EPA METHOD 7000B
7	Magie (Mg) [a]	ppm	-	-	1.420	US EPA METHOD 3051A+ US EPA METHOD 7000B
8	Sắt (Fe) [a]	ppm	-	-	30.253	US EPA METHOD 3051A+ US EPA METHOD 7000B
9	Asen (As) [a]	ppm	40	35,44	7,79	US EPA METHOD 3051A + US EPA METHOD 7010

Ghi chú: (-): Không quy định.

Thông số có ký hiệu [a] là thông số được thực hiện bởi Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

QCVN 50: 2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 - VIMCERTS 096)
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: ttqtmtbacgiang@gmail.com

Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối (H_{tc}) là ngưỡng nguy hại của chất thải tính theo hàm lượng tuyệt đối:

$$H_{tc} = \frac{H.(1+19.T)}{20}$$

Trong đó: + H (ppm) là giá trị Hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong Bảng 1;

+ T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu chất thải trên tổng khối lượng mẫu chất thải (T= 0,88).

Bắc Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

P. PHÂN TÍCH HÓA NGHIỆM

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM VIÊN QUAN TRẮC TN&MT BẮC GIANG

Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT Bắc Giang.